

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Đại học Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã số: 7340101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Kinh tế lượng	1.2. Tên tiếng Anh: Econometrics
1.3. Mã học phần: KTTLU. 027	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập:	
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Trần Thị Thu Thủy
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên theo sự phân công của bộ môn
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Quản trị học, Kinh tế vĩ mô
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần cung cấp các kiến thức thống kê, mô tả, ước lượng, dự báo hành vi của các biến số kinh tế. Sinh viên có khả năng xây dựng các mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các mối quan hệ kinh tế. Cung cấp các kỹ năng sử dụng các phần mềm kinh tế vào phân tích, xử lý các mối quan hệ kinh tế cũng như kỹ năng hiện các khuyết tật trong mô hình ước lượng các vấn đề kinh tế. Từ đó, người học có thể vận dụng công cụ, phần mềm kinh tế để phân tích, thống kê các vấn đề trong kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp các kiến thức về thống kê, mô tả, phương pháp ước lượng và dự báo các biến số kinh tế. Xác lập và xây dựng các mô hình hồi quy tuyến tính liên quan đến biến số kinh tế; kiểm định các giả thuyết liên quan. Dự báo các hành vi của các biến số kinh tế.

- Cung cấp cách thức phát hiện và biện pháp khắc phục các khuyết tật của mô hình hồi quy tuyến tính trong kinh tế.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng xác lập mối quan hệ nhân quả giữa các biến số kinh tế. Kỹ năng phân tích tác động các biến số kinh tế đối với việc ra quyết định quản lý, quyết định kinh doanh.

- Có kỹ năng sử dụng các phần mềm kinh tế để phục vụ cho việc xử lý số liệu trong nghiên cứu thống kê, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế.

- Sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi và các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc tính toán trong môn học (Eview, SPSS,...)

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự đầy đủ giờ giảng theo quy định, tự học và tự nghiên cứu tài liệu tham khảo để vận dụng làm bài tập, tham gia thảo luận nhóm có hiệu quả.

- Làm việc nhóm nghiêm túc, đóng góp ý kiến trong giờ học và đối thoại hiệu quả cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Thực hiện thống kê, mô tả dữ liệu các biến số kinh tế. Xác lập mối quan hệ nhân quả trong phân tích kinh tế, từ đó xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính.
CLO2	Ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính, dự báo sự thay đổi các biến số kinh tế và kiểm định các giả thuyết liên quan.
CLO3	Xây dựng và phân tích mô hình hồi quy nhiều biến (định tính và định lượng); mô hình tuyến tính và phi tuyến tính ...
CLO4	Phân tích ý nghĩa và tầm quan trọng của các biến số trong mô hình thông qua việc phát hiện các khuyết tật của mô hình hồi quy ...
CLO5	Ứng dụng các phần mềm kinh tế để phân tích hồi quy, dự báo mô hình hồi quy, từ đó đưa ra các quyết định quản lý, kế toán quản trị ...

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1			I				R	R		R	R	
CLO 2			R				M	R		R	M	

CLO 3			M				M	M		R	M	
CLO 4			M				M	M		M	M	
CLO 5			M				M	M		M	M,A	M
Tổng hợp học phần			M				M	M		M	M,A	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%	Toàn quá trình học		X		Rubric 1, Rubric 3, Rubric 7
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1 và chương 2	30%	X	CLO 1, CLO 2	Rubric 3 hoặc Rubric 6 hoặc Rubric 7
		A2.2. Tuần 10: Chương 3 và Chương 4	30%	X	CLO 2, CLO 3	Rubric 3 hoặc Rubric 6 hoặc Rubric 7
		A2.3. Tuần 15: Chương 5, Chương 6 và Chương 7	40%	X	CLO 4, CLO 5.	Rubric 3 hoặc Rubric 6 hoặc Rubric 7
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp hoặc Bài tập lớn		X	CLO 1 đến CLO 5	Rubric 3 hoặc Rubric 6 hoặc Rubric 7

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết	CDR của bài học (chương)/chủ đề	Lquan đến CDR	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
------	---	---------	---------------------------------	---------------	---	-------------------------	------------------

					- Phương tiện, thiết bị: phòng học, Projector, màn chiếu, bảng...	Dong (2012); Trần Thị Thu Thủy (2021)	
4	<p>Chương 2: (tiếp theo)</p> <p>2.3. Phương sai và sai số tiêu chuẩn của các hệ số hồi quy</p> <p>2.4. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thiết của các hệ số hồi quy trong mô hình</p>	3LT	Tính toán được sai số, phương sai, độ lệch chuẩn của các biến số kinh tế trong mô hình.	CLO 2	- Thuyết giảng, diễn giải, phân tích; đối thoại, phương pháp mô hình hóa... - GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính... - Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng, máy tính cầm tay.	- Bài tập ứng dụng - Xây dựng mô hình hồi quy với các biến số kinh tế.	
5	<p>Chương 2: (tiếp theo)</p> <p>2.5. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy (F) và hệ số xác định bội R^2 và thất nghiệp (Inflation)</p> <p>2.6. Dự báo mô hình hồi quy hai biến</p>	3LT	Nhận định mức độ phù hợp của hàm hồi quy và ý nghĩa của các biến số trong mô hình.	CLO 2	+ Thuyết giảng, diễn giải, quy nạp, phân tích; đối thoại, phương pháp mô hình... + GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính... - Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng..		
6	<p>Chương 3: Mô hình hồi quy nhiều biến (8 tiết)</p> <p>3.1. Mô hình hồi quy đa biến và phương pháp ước lượng OLS</p>	3 LT	Lập và phân tích ý nghĩa của các biến số trong mô hình hồi quy có từ ba biến trở lên.	CLO 3	- Thuyết giảng, diễn giải, phân tích; đối thoại, phương pháp mô hình ... - GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính ...	- Chuẩn bị nội dung chương 3 trong tài liệu tham khảo. - Bài tập ứng	A2.2.

	3.2. Ước lượng và ý nghĩa của các hệ số hồi quy bằng phương pháp OLS 3.2.1. Mô hình và các giả thiết của mô hình				- Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng, ...	dụng - Xây dựng mô hình hồi quy
7	Chương 3: (tiếp theo) 3.2.2. Phương pháp ước lượng OLS và ý nghĩa của kết quả ước lượng	3 LT	Xác định được các hệ số tác động của các biến số và ý nghĩa của nó.	CLO 3		- Ứng dụng phần mềm kinh tế lượng để phân tích mô hình.
8	Chương 3: (tiếp theo) 3.3. Kiểm định giả thiết và khoảng tin cậy Chương 4. Mô hình hồi quy với biến giả (7 tiết) 4.1 Bản chất của biến giả	2 LT 1 LT	Nhận định được mức độ phù hợp của các biến đưa vào mô hình hồi quy.	CLO 2 CLO 3		
9	Chương 4. (tiếp theo) 4.2 Các dạng mô hình có chứa biến độc lập là biến giả 4.2.1. Mô hình một biến lượng và một biến chất 4.2.2. Mô hình một biến lượng và hai biến chất 4.2.3. So sánh 2 dạng hàm hồi quy	3 LT	Lập và phân tích ý nghĩa của hàm hồi quy khi có biến định tính.	CLO 2 CLO 3	- Thuyết giảng, diễn giải, phân tích; đối thoại, phương pháp mô hình. - GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính ... - Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng..	- Chuẩn bị chương 4 trong tài liệu tham khảo. - Làm bài tập ứng dụng trong sách tham khảo: Huỳnh Đạt Hùng và
10	Chương 4. (tiếp theo) 4.3 Ước lượng mô hình hồi quy biến định tính có nhiều phạm trù theo phương pháp OLS.	3 LT	Ước lượng được các hệ số tác động của các biến số và ý nghĩa của nó.	CLO 2 CLO 3	- Thuyết giảng, diễn giải, quy nạp, phân tích; đối thoại, phương pháp mô hình... - GV sử dụng giáo trình, bài	Cộng sự (2013). - Ứng dụng phần mềm kinh tế lượng để

					giảng, máy tính... - Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng.	phân tích mô hình (Nguyễn Văn Tùng, 2014).	
11	<p>Chương 5: Hiện tượng đa cộng tuyến (6 tiết)</p> <p>5.1 Bản chất của đa cộng tuyến – Đa cộng tuyến hoàn hảo và không hoàn hảo.</p> <p>5.1.1 Bản chất hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy</p> <p>5.1.2 Ước lượng hệ số khi có hiện tượng đa cộng tuyến</p> <p>5.2. Hậu quả của hiện tượng đa cộng tuyến</p> <p>5.2.1. Đa cộng tuyến hoàn hảo</p> <p>5.2.2. Đa cộng tuyến không hoàn hảo</p>	3 LT	Hiểu được bản chất của hiện tượng đa cộng tuyến; nhận định hậu quả của đa cộng tuyến đối với giá trị ước lượng và ý nghĩa của các biến số trong mô hình.	CLO 4	<p>- Thuyết giảng, diễn giải, phân tích; đối thoại, phương pháp lập mô hình ...</p> <p>- GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính ...</p> <p>- Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng ...</p>	<p>- Chuẩn bị chương 5 trong tài liệu tham khảo.</p> <p>- Làm bài tập ứng dụng trong sách tham khảo: Huỳnh Đạt Hùng, Nguyễn Khánh Bình, Phạm Xuân Giang (2013)</p> <p>- Ứng dụng phần mềm kinh tế lượng để phân tích mô hình (Nguyễn Văn Tùng, 2014).</p>	A2.3
12	<p>Chương 5: Hiện tượng đa cộng tuyến (tt)</p> <p>5.3. Phát hiện ra sự tồn tại của đa cộng tuyến</p> <p>5.4 Khắc phục khi có hiện tượng đa cộng tuyến</p>	3 LT	Có kỹ năng để khắc phục mô hình khi xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.	CLO 4	<p>- Thuyết giảng, diễn giải, quy nạp, phân tích; đối thoại...</p> <p>- GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính...</p> <p>- Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng.</p>	<p>- Ứng dụng phần mềm kinh tế lượng để phân tích mô hình (Nguyễn Văn Tùng, 2014).</p>	

13	<p>Chương 6: Hiện tượng tự tương quan (5 tiết)</p> <p>6.1 Bản chất của hiện tượng tự tương quan</p> <p>6.2 Nguyên nhân của hiện tượng tự tương quan</p> <p>6.3. Phát hiện hiện tượng tự tương quan</p>	3 LT	Hiểu bản chất và nguyên nhân của hiện tượng tự tương quan.	<p>CLO4</p> <p>CLO 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, diễn giải, quy nạp, phân tích; đối thoại... - GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính... - Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng... 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị chương 6 trong tài liệu tham khảo. - Làm bài tập ứng dụng trong sách tham khảo. - Ứng dụng 	
14	<p>Chương 6: Hiện tượng tự tương quan (5 tiết)</p> <p>6.4. Ước lượng hiện tượng tự tương quan theo phương pháp OLS</p> <p>6.5 Hậu quả và biện pháp khắc phục</p> <p>Chương 7: Phương sai sai số thay đổi (4 tiết)</p> <p>7.1 Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi.</p>	2 LT 1 LT	Biết rõ các hậu quả khi mô hình xảy ra tự tương quan và hậu quả để khắc phục.	<p>CLO 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, diễn giải, quy nạp, phân tích; đối thoại... - GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính... - Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng, máy tính cầm tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng phần mềm kinh tế lượng để phân tích hiện tượng tự tương quan. 	

15	<p>Chương 7: Phương sai sai số thay đổi (4 tiết)</p> <p>7.2 Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi phương sai của sai số thay đổi</p> <p>7.3 Hậu quả của phương sai của sai số thay đổi</p> <p>7.4 Phát hiện ra phương sai của sai số thay đổi</p> <p>7.5 Biện pháp khắc phục</p>	3 LT	Hiểu bản chất của mô hình khi có phương sai của sai số thay đổi và những hậu quả khi xảy ra phương sai SSTĐ.	CLO 4 CLO 5	<p>- Thuyết giảng, diễn giải, quy nạp, phân tích; đối thoại...</p> <p>- GV sử dụng giáo trình, bài giảng, máy tính...</p> <p>- Phương tiện, thiết bị: Phòng học, Projector, màn chiếu, bảng...</p>	<p>Chuẩn bị chương 7 trong tài liệu tham khảo.</p> <p>- Làm bài tập ứng dụng trong sách tham khảo.</p> <p>- Ứng dụng phần mềm kinh tế lượng để phân tích PSSS thay đổi.</p>	
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì			CLO1 đến CLO 5	Phòng học	Thi trên giấy	A3: chương 1 đến chương 5

(* **Ghi chú:** (1) Việc bố trí sắp xếp lịch dạy (số tuần, số tiết) tùy thuộc vào đặc điểm tình hình của chương trình và tiến độ học tập của sinh viên mỗi lớp.

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Quang Dong	2012	<i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>	NXB Giao thông vận tải
2	Huỳnh Đạt Hùng Nguyễn Khánh Bình Phạm Xuân Giang	2013	<i>Kinh tế lượng</i>	Nhà xuất bản Phương Đông
3	Trần Thị Thu Thủy	2021	<i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>	Đại học Quảng Bình
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Nguyễn Quang Dong	2006	<i>Bài giảng kinh tế lượng</i>	Bài Nhà xuất bản Giao thông vận tải Hà Nội.
5	Trần Văn Tùng	2001	<i>Mô hình kinh tế lượng</i>	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A hoặc Giảng đường C	Phòng học	01	Các buổi học
		Projector	01	Các buổi học
		Màn hình chiếu	01	Các buổi học

9. Rubric đánh giá

9.1. Đánh giá chuyên cần

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài	50%

		Đóng góp không hiệu quả.	biểu ít khi có hiệu quả.	góp cho bài học là hiệu quả.	học. Các đóng góp rất hiệu quả.	
--	--	--------------------------	--------------------------	------------------------------	---------------------------------	--

9.2. Đánh giá bài tập

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

9.3. Đánh giá viết báo cáo

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung	Không có hoặc nội	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ	Đầy đủ nội dung theo yêu	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,	60%

báo cáo	dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	câu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	
Trình bày báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	40%

9.4. Đánh giá làm việc nhóm

Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%

Chuyên cần trong nhóm	< 30%	<50%	<70%	<90%	>=90% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Trần Tự Lực

TS. Bùi Khắc Hoài Phương

TS. Trần Thị Thu Thủy